

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 96/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19-10-2021
V/v “Tranh chấp ly hôn”.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Văn Cười**
2. Ông **Phạm Văn Năm**

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Trần Thị Ngọc Tuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 204/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Thị Thanh T**, sinh năm A. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Kim K**, sinh năm: A. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 18/5/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K do quen biết, có tìm hiểu, tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới vào năm 2003, đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND thị trấn V, huyện G. Sau khi cưới, anh chị sống tại nhà của cha mẹ chồng tại thị trấn V cho đến khi chị nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị phát hiện anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và hiện người phụ nữ đó đã gần đến ngày sinh con, khi chị làm lớn chuyện thì anh K hứa là cắt đứt quan hệ với người phụ nữ đó; vì còn thương chồng, thương con

nên chị cho anh K cơ hội sửa đổi và tiếp tục chung sống với anh K đến năm 2019, khi chị vừa sinh đứa con thứ hai thì chị lại phát hiện ra anh vẫn tiếp tục qua lại với người phụ nữ đó và người phụ nữ đó đang gần đến ngày sinh con, cũng chính là con của anh K và chị đã yêu cầu anh K từ bỏ mối quan hệ đó để cùng chị lo cho các con, anh K lại tiếp tục hứa nhưng rồi anh cứ đi tới đi lui với người phụ nữ kia và hai đứa con chung của họ, chị không chấp nhận được tình trạng này; hơn nữa trong gia đình hai vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc và anh không đi làm mà ở nhà dọn dẹp nhà cửa cơm nước và sống nhờ vào khoản thu nhập của cha mẹ anh từ nước ngoài chuyển về, nhưng với hàng xóm láng giềng thì anh K lại nói chị bắt anh làm việc nội trợ; anh không lo làm để tạo ra thu nhập mà anh lại muốn quản lý luôn khoản tiền thu nhập của chị, chị không đồng ý nên hai vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến đánh nhau. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Nguyễn Thị Tâm N, sinh ngày B, Nguyễn Thị Như H, sinh ngày B, Nguyễn Quốc H, sinh ngày B. Ly hôn, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Kim K trình bày: Anh thống nhất về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Tuy nhiên về những mâu thuẫn chị T trình bày về việc anh có người phụ nữ khác ở bên ngoài chỉ là lời đồn, không đúng sự thật; riêng việc nội trợ trong gia đình là do anh tự nguyện, không bắt buộc vợ con phải làm; đối với khoản thu nhập của hai vợ chồng thì cả hai đều phải biết để xem khả năng mua sắm, chi tiêu cho gia đình. Hiện nay, anh còn thương vợ thương con nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên nếu Tòa án cho vợ chồng anh ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung là không có.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thanh T; cho chị T được ly hôn với anh K. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Tâm N, sinh ngày B và Nguyễn Quốc H, sinh ngày B cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung tên Nguyễn Thị Như H, sinh ngày B cho anh K được tiếp tục nuôi dưỡng; anh K, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T, anh K không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh T và anh Nguyễn Kim K tự nguyện chung sống, tổ chức cưới vào năm 2003 và đăng ký kết hôn vào năm 2006 là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân gia đình và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống đến đầu năm 2021 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã về vấn đề tiền bạc và những công việc nội trợ trong gia đình; hơn nữa anh K lại có quan hệ tình cảm và có con riêng với người phụ nữ khác, mặc dù chị T đã nhiều lần cho anh K cơ hội nhưng anh K vẫn không thay đổi; nay chị T không còn tình cảm với anh K, không thể tiếp tục chung sống với anh K, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh K. Xét yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận bởi lẽ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh chị có 03 con chung, cháu Nguyễn Thị Tâm N, sinh ngày B và Nguyễn Quốc H, sinh ngày B hiện đang sống chung chị T; cháu Nguyễn Thị Như H, sinh ngày B hiện đang sống chung với anh K. Ly hôn, anh K và chị T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên theo nguyện vọng của cháu N muốn sống chung với mẹ và cháu H muốn sống chung với cha. Nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của các cháu nên cần giao các cháu N và H cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh K được tiếp tục nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu là có cơ sở được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh T có yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Thanh T và anh Nguyễn Kim K được ly hôn.

2. Về con chung: - Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Tâm N, sinh ngày B và Nguyễn Quốc H, sinh ngày B cho chị Phạm Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Kim K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

- Giao 01 con chung tên Nguyễn Thị Như H, sinh ngày B cho anh Nguyễn Kim K được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Phạm Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh K không yêu cầu.

Anh Nguyễn Kim K, chị Phạm Thị Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018712 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Phạm Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND H.GCD;
- CC.THADS H.GCD;
- UBND thị trấn V, huyện GCD
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Thị Diễm Trinh